

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS-PT
Ngày 19 – 7 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán:

Bà Điều Thị Kim Liên;

Bà Lại Thị Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị H: Bà Trần Bích L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số nhà 07, ngõ 47, đường L Văn G, tổ 2, phường CL, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. (Theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 23/01/2024). (có mặt).

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và điểm cầu thành phần Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 18/2023/DSPT ngày 30 tháng 11 năm 2023 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Mộc Châu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024 ngày 12/01/2024; Thông báo tiếp tục mở phiên tòa số 431/2024/TB- DS ngày 05 tháng 03 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐ-PT ngày 15/03/2024; Thông báo tiếp tục mở phiên tòa số 1263/2024/TB- DS ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Tại điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Công T, sinh năm 196. Địa chỉ: Tiểu khu NN, thị trấn NT M C, huyện MC, tỉnh Sơn La. (có mặt).

- Ông Trần Duy C, sinh năm 196. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NT MC, huyện MC, tỉnh Sơn La (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn N sinh năm 196 và bà Nguyễn Thị , sinh năm 197. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Phan Văn N. (Theo biên bản làm việc ngày 06/7/2023) (ông N có mặt, bà H vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật - Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu (vắng mặt).

- Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 194. Địa chỉ: Tiểu khu TT, thị trấn NTMC, huyện MC, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Đức T, sinh năm 196. (Theo biên bản làm việc ngày 09/6/2023) (bà Đ vắng mặt, ông T có mặt).

4. Người làm chứng (Tòa án không triệu tập).

- Ông Phan Thanh L, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu CQ, thị trấn N T M C, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 194. Địa chỉ: Tiểu khu CQ, thị trấn NT M C, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Ông Đỗ Thế V, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu CQ, thị trấn NT MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bà Phan Thị N, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NTMC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bà Vũ Thị H, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NTMC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bà Trần Thị G, sinh năm 195, ông Trần Văn T, sinh năm 198. Địa chỉ đều ở tại: Tiểu khu , thị trấn NTMC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bà Phạm Thị Th, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NTM, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bà Đoàn Thị V, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu 1 thị trấn NT MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NT MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Ông Trần Trọng Đ, sinh năm 194. Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NT MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Anh Lê Thế T, sinh năm 198. Địa chỉ: Xã CS, huyện M tỉnh Sơn La.

- Anh Bùi Xuân C, sinh năm 198: Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NT MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Anh Bùi Xuân A, sinh năm 198: Địa chỉ: Tiểu khu , thị trấn NT MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Ông Trần H, sinh năm 195. Địa chỉ: Tiểu khu Cq. Thị trấn NT Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Cán bộ Tòa án: Bà Phan Lệ G - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn ông Phan Văn N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Nguyên đơn ông Nguyễn Công Tá trình bày:

Năm 1994 ông Nguyễn Công T cùng các ông Trần Duy C và ông Mai Văn T, trú tại: Tiểu khu TT, thị trấn NT Mộc Châu (Ông T đã chết năm 2021) có phát hoang trồng rừng trồng cây xoan, cây bạch đàn tại tiểu khu 19/5, thị trấn Nông Trường MCh. Sau đó ông T, ông C, ông T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất trồng rừng), do quy định của Nhà nước từ bao nhiêu mét từ chân đồi độ dốc bao nhiêu thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại là đất hoang không ai sử dụng nên ông đã khai phá, do vậy giữa điểm tiếp giáp đất trồng rừng được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì là phần đất ông khai phá, một mặt giáp với đất của Công ty sữa.

Vị trí đất nương có các điểm tiếp giáp như sau: Một mặt giáp với đồng cỏ của Công ty sữa. Một mặt giáp đất rừng. Hướng Tây Nam giáp đường dân sinh. Hướng Đông Bắc giáp đường dân sinh. Sau khi khai phá xong các ông T, C, T đã trồng cây bạch đàn trên rừng, cây xoan đến năm 2002 các ông T, C thuê người trồng thêm cây thông, cây xoan. Trong diện tích đất khai phá này do chưa có nhu cầu sử dụng nên các ông có cho anh Trần Văn T, trú tại: Tiểu khu , thị trấn N T MC mượn một phần để trồng cỏ nuôi bò, cho mượn từ năm 2008, phần còn lại trồng cây.

Sự việc phát hiện ông N lấn chiếm đất phá cây của các ông xảy ra từ năm 2003 sau khi trồng xoan và thông, ông T đã có ý kiến và ông N đã dừng lại không chặt phá nữa, do bận công việc nên không thường xuyên kiểm tra và hơn nữa tin ông N sẽ không dám lấn chiếm nữa vì là người lớn với nhau. Đến năm 2019 ông

T vào kiểm tra thì thấy ông N đã trồng cây bơ nên hai bên lại cãi cọ nhau, nếu không tìm chế được thì sẽ dẫn đến đánh nhau (giữa ông T với ông Lanh ông N) lúc này trên đất của ông T vẫn còn một số cây xoan. Tháng 4 năm 2021, ông Ng vẫn tiếp tục chặt phá đào tận gốc các cây của các ông, các ông đã báo với Công an thị trấn Nông trường Mộc Châu giải quyết, ông N đã cam kết không chặt phá. Tuy nhiên đến nay ông N vẫn tiếp tục chặt, phá chiếm dụng diện tích đất của các ông để sử dụng. Sau khi nộp đơn kiện ra Tòa án thì ông N mới chôn cột bê tông, căng dây thép gai rào phần đất đang có tranh chấp và rào cả phần đất ông T ông Ch cho anh T mượn từ năm 2008.

Đối với ông Trần Văn T, ông cho mượn đất từ năm 2008, tuy nhiên do thấy ông Ng lấn chiếm đất của ông nên ông T phải yêu cầu ông T viết giấy mượn đất để tránh tranh chấp sau này, không tin người như việc đã tin ông N, chính vì vậy mới có giấy viết mượn đất vào ngày 26/6/2019. Ông T khẳng định từ năm 1993, diện tích đất các ông khai hoang không có ai làm. Ông đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La để giải quyết nhưng không thành. Do giải quyết với nhau không được nên ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết buộc ông Phan Văn N phải dừng việc khai thác trồng cỏ trên diện tích đất của ông, trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho ông để ông quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn ông Trần Duy C trình bày:

Năm 1994, ông C cùng ông Nguyễn Công T, ông Mai Văn T, trú tại: Tiểu khu TT, thị trấn NTMộc Châu (Ông T đã chết năm 2021) có phát hoang trồng rừng trồng cây xoan, cây bạch đàn tại tiểu khu thị trấn NTMC, sau đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đất trồng rừng), do quy định của Nhà nước từ bao nhiêu mét từ chân đồi độ dốc bao nhiêu thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại là đất hoang do không ai sử dụng nên ông đã cùng ông T, ông T phát hoang, do vậy giữa điểm tiếp giáp đất trồng rừng được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là phần đất ông khai phá một mặt giáp với đất của Công ty sữa.

Vị trí đất nương có các điểm tiếp giáp như sau: Một mặt giáp với đồng cỏ của Công ty sữa. Một mặt giáp đất rừng. Hướng Tây Nam giáp đường dân sinh. Hướng Đông Bắc giáp đường dân sinh. Sau khi khai phá xong, các ông T, C, T đã trồng cây bạch đàn trên rừng, cây xoan. Đến năm 2002, các ông T, C thuê người trồng thêm cây thông, cây xoan. Trong diện tích đất khai phá này do chưa có nhu cầu sử dụng nên các ông có cho anh Trần Văn T, trú tại: Tiểu khu , thị trấn NT MC mượn một phần để trồng cỏ nuôi bò, một phần vẫn để trồng cây. Sự việc phát hiện ông N lấn chiếm đất phá cây của các ông xảy ra từ năm 2003 sau khi trồng cây xoan và cây thông, ông C đã có ý kiến và ông N đã dừng lại không chặt phá nữa, do bận công việc nên không thường xuyên kiểm tra và hơn nữa tin ông N sẽ không dám lấn chiếm nữa vì là người lớn với nhau. Đến năm 2019, ông C

vào kiểm tra thì thấy ông N đã trồng cây bơ, hai bên lại cãi cộ nhau, lúc này trên đất của ông T vẫn còn một số cây xoan.

Tháng 4 năm 2021, ông N vẫn tiếp tục chặt phá đào tận gốc các cây của các ông, các ông đã báo với Công an thị trấn Nông Trường Mộc Châu giải quyết, ông N đã cam kết không chặt phá. Tuy nhiên đến nay ông N vẫn tiếp tục chặt, phá chiếm dụng diện tích đất của các ông để sử dụng. Sau khi nộp đơn kiện ra Tòa án thì ông Nghĩa mới chôn cột bê tông, căng dây thép gai rào phần đất đang có tranh chấp và rào cả phần đất ông T, ông C cho anh T, bà Gmượn từ năm 2008. Đối với ông Trần Văn T, các ông cho mượn đất từ năm 2008, tuy nhiên do thấy ông N lấn chiếm đất của các ông nên các ông phải yêu cầu ông T viết giấy mượn đất để tránh tranh chấp sau này, không tin người như việc đã tin ông N, chính vì vậy mới có giấy viết mượn đất vào ngày 26/6/2019. Ông C khẳng định từ năm 1993, diện tích đất các ông khai hoang không có ai làm. Ông đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu để giải quyết nhưng không thành.

Do giải quyết với nhau không được nên ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu giải quyết buộc ông Phan Văn N phải dừng việc khai thác trồng cỏ trên diện tích đất của ông, trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho ông để ông quản lý, sử dụng.

Bà Phạm Thị Đ trình bày:

Bà là vợ của ông Mai Văn T, vợ chồng bà không có anh em họ hàng gì với ông T, ông C. Bà chỉ được biết năm 1994, ông Mai Văn T là chồng bà (Ông T đã chết năm 2021) cùng ông Nguyễn Công T và ông Trần Duy C có phát hoang trồng rừng trồng cây xoan, cây bạch đàn tại tiểu khu, thị trấn NTMộc Châu. Về việc trồng cây, bà không được tham gia trồng hoặc cùng đi phát với ông T, ông C. Các con cũng không ai cùng tham gia phát hoang cùng ông T, ông C. Hiện nay ông T, ông C kiện ông N về việc ông Ng có làm vào diện tích đất mà ông T cùng với ông T, ông C. Bản thân bà không được cùng phá hoang, nhưng chồng bà có công sức, bà là vợ của ông T, ông cũng có quyền lợi trong diện tích đất đó. Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông N trả lại đất cho ông T, ông C để quản lý, sử dụng. Do tuổi cao bà ủy quyền cho ông Mai Đức T, con bà tham gia.

Ý kiến trình bày của bị đơn Phan Văn N như sau:

Việc ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C, ông Mai Đức T có đơn khởi kiện ông về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất với các ông T, ông C, ông T như đơn khởi kiện, ông không nhất trí với lý do như sau: Về nguồn gốc đất hiện đang có tranh chấp là của Công ty Cổ phần giống bò sữa giao cho gia đình ông chăn nuôi bò, gia đình nhận làm từ năm 1994 đến nay, có Hợp đồng. Quá trình sử dụng đất từ đó đến nay gia đình trồng cỏ và trồng cây ăn quả là các loại cây như cây bơ, cây đào.

Nay các ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C, ông Mai Đức T có đơn khởi kiện ông về việc ông sử dụng vào đất của các ông T, ông C, ông T như đơn khởi kiện, ông không nhất trí.

Bà Nguyễn Thị H trình bày: Về phần diện tích đất đang có tranh chấp là của vợ chồng bà canh tác từ cuối năm 1993, đầu năm 1994, từ khi nhận khoán chăn nuôi bò sữa với Công ty Cổ phần giống bò sữa. Thời điểm đó, phần diện tích đất có tranh chấp là đồng cỏ chăn thả gia súc nhận chuyển nhượng từ gia đình ông H, bà T, gia đình canh tác từ đó đến nay không tranh chấp với ai. Do sức khỏe bà ốm yếu thường xuyên nên không tham gia phiên tòa được mà ủy quyền toàn bộ cho ông N tham gia giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La có văn bản trình bày: Diện tích đất 3.968m² đang xảy ra tranh chấp giữa ông T, ông C, ông T và ông N nằm trong phần diện tích đất 5.404.868m² đã thu hồi của Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu trả lại Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 19/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu đang lập phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt phương án sử dụng. Trong thời gian chờ lập phương án sử dụng, Ủy ban nhân dân huyện sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án. Diện tích đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 02 thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu đã quyết định:

Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai; Điều 166 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Đ.

2. Buộc ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm tháo dỡ cột bê tông, dây thép gai đã rào bàn giao trả lại cho ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C, bà Phạm Thị Đ diện tích đất là 1.200m², có địa chỉ tại tiểu khu , thị trấn N T Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 02 thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Tạm giao cho ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C, bà Phạm Thị Đ được quyền sử dụng diện tích đất là 1.200m², có địa chỉ tại tiểu khu , thị trấn NT MC, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 02 thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Diện tích đất có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất nông nghiệp của ông T từ M1 đến M2 có kích thước 13,01m; từ M2 đến M3 có kích thước 7,75m; từ M3 đến M4 có kích thước 11,28m; từ M4 đến M5 có kích thước 3,54m; từ M5 đến M6 có kích thước 9,07m; từ M6 đến M7 có kích thước 7,03m; Phía Đông từ M7 đến M30 có kích thước 20,07m. Phía Nam giáp đất bò sữa từ M29 đến M28 có kích thước 24,56m, từ M28 đến M27 có kích thước 19,54m; từ M27 đến M30 có kích thước 13,77m; Phía Tây từ M1 đến M29 có kích thước 26,09m giáp phần đất có diện tích 323,8m².

3. Đối với diện tích đất còn lại là 2.768,0m² chia đôi theo chiều ngang.

Tạm giao cho ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C, bà Phạm Thị Đ được quyền sử dụng là 1.384m² đất.

Diện tích đất tạm giao cho ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C, bà Phạm Thị Đ được sử dụng có địa chỉ tại tiểu khu , thị trấn NTMộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 02 thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp đất nông nghiệp của ông T, ông C, ông T đang trồng cây xoan, cây thông, cây bạch đàn.

Từ M7 đến M8 10,60m; từ M8 đến M9 có kích thước 10,82m; từ M9 đến M10 có kích thước 7,55m; từ M10 đến M11 có kích thước 10,30m; từ M11 đến M12 có kích thước 11,11m; từ M12 đến M13 có kích thước 21,24m; từ M13 đến M14 có kích thước 12,04m; từ M14 đến M15 15,26m; từ M15 đến M16 có kích thước 11,43m; từ M16 đến M17 có kích thước 4,31m; từ M17 đến M18 có kích thước 4,23m; Phía Nam Từ T1 đến T2 giáp đất ông Phan Văn Nghĩa và bà Nguyễn Thị Huế có chiều dài 115,42m. Phía Đông từ M18 đến M19 có kích thước 7,75m; từ M19 đến T1 có kích thước 5,56m. Phía Tây từ M31 đến T2 có kích thước 10,03m một mặt giáp đất cho gia đình ông T, bà G mượn.

Tạm giao cho ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng là 1.384m².

Diện tích đất tạm giao cho ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị H được sử dụng, có địa chỉ tại tiểu khu , thị trấn NT MChâu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 02 thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có vị trí tiếp giáp như sau.

Phía Bắc giáp đất của ông T, ông Ch, bà Đ vị trí T1 đến T2, có kích thước 115,42m.

+ Phía Nam giáp đất bò sữa từ M21 đến M22 có kích thước 18,51m; từ M22 đến M23 có kích thước 18,31m; từ M23 đến M24 có kích thước 12,65m; từ M24 đến M25 có kích thước 31,66m; từ M25 đến M26, từ M26 đến M30 có kích thước 33,38m. Phía Đông từ T1 đến M20 có kích thước 14,65m, giáp đất rừng ông T, ông C, bà Đ từ M20 đến M21 có kích thước 3,31m giáp đất bò sữa đang

nhận khoán; Phía Tây từ T2 đến M30 có kích thước 10,04m giáp phần đất nhà ông T bà Gg đang mượn đất của ông T, ông C, bà Đ sử dụng.

(Có sơ đồ kèm theo).

4. Về bồi thường số cây ăn quả:

Buộc ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C, bà Phạm Thị Đ phải có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị H số tiền cây ăn quả, mỗi một người là 43.013.333 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/10/2023, bị đơn ông Phan Văn N có đơn kháng cáo với nội dung không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 11/10/2023, nguyên đơn ông Nguyễn Công T kháng cáo với nội dung không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ngày 16/4/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trên đất đang tranh chấp theo yêu cầu của bị đơn ông Phan Văn N, kết quả xác định:

- Tổng diện tích đất các đương sự đang có tranh chấp là 4.050,4m², trong đó diện tích đất bà Giang đang sử dụng là 758,2m², thửa đất có tứ cận:

- + Phía Bắc giáp đất lâm nghiệp có chiều dài 174,96m.
- + Phía Đông giáp đường mòn có chiều dài 27,97m.
- + Phía Nam giáp đất công ty bò sữa Mộc Châu có chiều dài 187,98m.
- + Phía Tây giáp đất bà TG có chiều dài 31,56m.

Đất tranh chấp là loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm (Có sơ đồ trích đo địa chính kèm theo).

- Về tài sản trên đất: 29 cây bơ cho quả trên 10 năm, 14 cây bơ trồng từ 04 năm tuổi trở lên, 01 cây bơ cho quả dưới 03 năm, 06 cây bơ cho quả từ 03 đến dưới 05 năm, 03 cây bơ cho quả từ 05 đến dưới 10 năm; 10 cây đào cho quả trên 10 năm; 01 cây vải cho quả trên 10 năm; 01 cây xoài ghép trồng từ 01 đến dưới 02 năm; 01 cây ổi cho quả từ 05 đến dưới 10 năm; 01 cây chanh trồng từ 01 đến dưới 02 năm tuổi; 02 cây gỗ thường chu vi trên 60cm (cây tự mọc); 01 cây gỗ trồng từ 01 đến dưới 02 năm (cây tự mọc); 04 cây gỗ trồng từ 04 năm đến khép tán (cây tự mọc). Tất cả các cây trên đất đều do ông Phan Văn N trồng (trừ những cây gỗ tự mọc).

* Tại kết luận số 06/KL-HĐĐGTS ngày 20/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản theo Quyết định số 73/2024/QĐ-ĐG ngày 05/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, kết luận:

- Đối với tài sản là đất đang tranh chấp có diện tích 4.050,4m². Giá trị diện tích đất là 210.620.800 đồng (*Hai trăm mười triệu sáu trăm hai mươi nghìn tám trăm đồng*).

- Đối với tài sản trên đất (cây cối, hoa màu) có tổng giá trị là 110.963.400 đồng (*Một trăm mười triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm đồng*). Trong đó: Giá trị cây cối, hoa màu tự mọc là 536.500 đồng (*Năm trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm đồng*); Giá trị cây cối, hoa màu do ông Nghĩa trồng là 110.426.900 đồng (*Một trăm mười triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm đồng*).

Tổng giá trị tài sản cần định giá là đất và tài sản trên đất sau khi đã làm tròn là 321.584.000 đồng (*Ba trăm hai mươi một triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ý kiến và tranh luận của nguyên đơn ông Nguyễn Công T: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án sửa Bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị tạm giao lại toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp cho ông, ông C và bà Đ quản lý sử dụng và không nhất trí đền bù giá trị cây trồng ăn quả cho bị đơn ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị H. Ý kiến ông Trần Duy C, ông Mai Đức T nhất trí như ý kiến của ông Nguyễn Công T và không có ý kiến gì thêm.

- Ý kiến và tranh luận của bị đơn ông Phan Văn N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị H do bà Trần Bích L làm đại diện: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T, tạm giao quyền sử dụng đất đang tranh chấp cho gia đình ông Phan Văn Ng, bà Nguyễn Thị H được tiếp tục canh tác, quản lý, sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền đối với diện tích gia đình đang canh tác, quản lý sử dụng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và ông Trần Duy C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C khởi kiện yêu cầu ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất đã lấn chiếm và dừng việc khai thác trồng cỏ trên diện tích đất của các ông. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn ông Phan Văn N, đã thực hiện đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, được chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn ông Phan Văn N về quyết định tạm giao đất của Tòa án cấp sơ thẩm:

[2.1] Về nguồn gốc đất:

Tại Công văn số 3258/UBND-TNMT ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La về việc trao đổi thông tin đối với hồ sơ thụ lý giải quyết việc tranh chấp giữa hộ ông gia đình Nguyễn Công T, ông Trần Duy C với hộ gia đình ông Phan Văn N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, xét thấy: Thửa đất đang tranh chấp giữa các đương sự có diện tích 4.050,4m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 02 trong phần diện tích 5.404.868m² là của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La giao theo Quyết định số 543/QĐ-UB ngày 19/11/1992 với mục đích cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã ra Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 19/9/2015 về việc thu hồi, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định thu hồi 5.404.868m² đất của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu đang quản lý trên địa bàn huyện Mộc Châu và giao cho Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu quản lý, sử dụng theo quy hoạch (trong đó có diện tích đất đang tranh chấp giữa các đương sự), lý do thu hồi là do Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu không còn nhu cầu sử dụng đất và xin trả lại đất. Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu đang lập phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La phê duyệt phương án sử dụng đất. Trong thời gian chờ lập phương án sử dụng, Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu sẽ thực hiện theo quyết định của Tòa án.

Tại công văn số 700/GSB/2023 ngày 07/9/2023 của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu, xác định: Tại Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 19/9/2015 của UBND tỉnh Sơn La về việc thu hồi, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Cũng theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND, thửa đất đang tranh chấp đã được giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La quản lý.

Tại công văn số 45/KL ngày 12/9/2023 và sơ đồ kèm theo của Hạt kiểm lâm Mộc Châu, tỉnh Sơn La xác định: “*Qua kiểm tra, đối chiếu với hồ sơ và bản đồ giao đất, giao rừng năm 2002 thì vị trí khu đất đang có tranh chấp không thuộc diện tích giao đất, giao rừng của các chủ rừng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi kèm theo Công văn số 855/CV-TA ngày 11/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu*”. Quy hoạch ba loại rừng: Đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng huyện Mộc Châu năm 2025 định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La, diện tích đất đang tranh chấp không thuộc quy hoạch 03 loại rừng. Đối với diện tích đất rừng đã được UBND huyện giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình là chủ rừng theo Luật Lâm Nghiệp hạt kiểm lâm không quản lý diện tích rừng đã được giao cho các chủ rừng”.

Như vậy, thửa đất đang tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình.

Theo Hợp đồng kinh tế giao khoán đất chăn nuôi bò sữa - trồng trọt giữa Công ty Sữa Thảo Nguyên và ông Phan Văn N, Công ty Sữa Thảo Nguyên đã giao khoán cho ông Phan Văn N 2,8ha đất để canh tác vào năm 1995, trong đó đất nông nghiệp có diện tích 2,46 ha, diện tích đất trồng cây ăn quả là 0,04ha, đất khác có diện tích 0,3ha.

Như vậy, xác định diện tích đất đang tranh chấp là diện tích đất được Công ty Sữa trả cho Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu quản lý, sử dụng theo quy hoạch, theo Quyết định số 2063/QĐ-UBND ngày 19/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc thu hồi, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

[2.2] Về quá trình sử dụng đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, xét thấy: Tài sản trên diện tích đất đang tranh chấp đa số chỉ trồng các loại cây ăn quả, cây lâu nhất trồng trên 10 năm do hộ gia đình ông Phan Văn N là người trực tiếp trồng canh tác trên diện tích đất đang tranh chấp từ năm 1994 đến nay. Theo lời khai của ông T, ông C thì sau khi khai phá đất xong, các ông đã trồng cây bạch đàn, cây xoan, sau đó trồng cây thông, tuy nhiên lời khai này mâu thuẫn với lời khai của người làm chứng khai rằng năm 2001 ông T, ông C mới thuê trồng cây bạch đàn trên diện tích đất rừng, năm 2002 ông T mới thuê người trồng cây thông. Hơn nữa, hiện nay trên diện tích đất tranh chấp không có dấu vết gốc cây bạch đàn hay cây thông, cây xoan bị chặt phá. Do đó, việc ông T, ông C khai rằng các ông bị ông N lấn chiếm đất và chặt phá cây của các ông là không có căn cứ. Tại biên bản kiểm đếm cây ngày 27/9/2023, của Tòa án cấp sơ thẩm, trên phần diện tích đất mà ông Phan Văn N khai là được nhận giao khoán của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu có 02 cây xoan, 01 cây có đường kính là 108m,

01 cây có đường kính là 70m, cấp sơ thẩm kiểm đếm là không phù hợp với kết quả thẩm định tại cấp sơ thẩm, còn toàn bộ cây ăn quả do ông Phan Văn N trồng trên 10 năm, cây mới trồng được 02 năm phù hợp với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

[2.3] Từ những căn cứ trên và lời khai của các đương sự, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, xác định:

Diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C đang tranh chấp với hộ gia đình ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị H chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi lại của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu thuê để canh tác nông nghiệp cho Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu quản lý theo quy hoạch. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình sử dụng đất, bị đơn là người quản lý khai phá, cải tạo đất trên diện tích đất được giao theo Hợp đồng kinh tế số 06 năm 1995 đã ký kết với Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu. Diện tích đất đã bị thu hồi được giao cho Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu quản lý theo quy hoạch. Đến năm 2003, theo lời khai của ông T và ông C hai bên mới phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn với lời khai của ông N không thừa nhận không có ai đến tranh chấp diện tích đất mà hộ gia đình ông đã canh tác. Hai bên xác nhận đến năm 2019 và năm 2021 hai bên mới phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp đất đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường Mộc Châu hòa giải. Như vậy có thể thấy rằng, nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C có khai phá đất nhưng diện tích đất không nằm trong diện tích đất đang tranh chấp, diện tích đất tiếp giáp với khu vực đất nương không thường xuyên sử dụng, tiếp giáp với đất rừng do ông T và ông T sử dụng đất ổn định lâu dài đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm và các lời khai người làm chứng xác minh cũng thể hiện bị đơn ông Phan Văn N là người canh tác, trồng cây ăn quả và sử dụng đất ổn định lâu dài từ khi nhận giao đất từ Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu từ năm 1994 cho đến nay, ban đầu là trồng cây đào sau đó trồng cây bơ. Căn cứ vào các công văn trả lời của Hạt kiểm lâm Mộc Châu, Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu, Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, diện tích đất đang tranh chấp thuộc phần diện tích đất đã được thu hồi từ Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu giao cho Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu đang trong thời gian chờ lập phương án sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu được giao lại quản lý theo quy hoạch. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tạm giao cho mỗi bên sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất để thuận tiện cho việc canh tác và buộc ông T, ông C, bà Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho gia đình ông N, bà H giá trị của những cây mà ông N đã trồng trên đất là chưa phù hợp, không có căn cứ, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp và quá trình sử dụng đất đã ổn định lâu dài của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy cần tạm giao toàn bộ 4.050,4m² diện tích đất đang tranh chấp cho hộ gia đình bị đơn ông Phan Văn N và bà Nguyễn

Thị H được quyền sử dụng cho đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn N, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T, sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bổ sung tại cấp phúc thẩm là 14.990.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) do bị đơn đã chi trả. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C phải liên đới hoàn trả lại cho bị đơn ông Phan Văn N số tiền 14.990.000 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm.

Nguyễn Công T phải chịu số tiền chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm là 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn đồng chẵn) (đã thu và đã chi, nguyên đơn đã nộp đủ).

[4] Về án phí dân sự: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do kháng cáo được chấp nhận, bị đơn ông Phan Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn ông Nguyễn Công T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điều 6 khoản 15, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Công T.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn N;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C.

Tạm giao cho ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng diện tích đất là 4.050,4m² có địa chỉ tại tiểu khu 19/5, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 2, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cho đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Diện tích đất có vị trí tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất lâm nghiệp có chiều dài 174,96m. Phía Đông giáp đường mòn có chiều dài 27,97m. Phía Nam giáp đất Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu có chiều dài 187,98m. Phía Tây giáp đất ông bà TG có chiều dài 31,56m.

(Có sơ đồ trích đo địa chính kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C phải liên đới hoàn trả lại cho bị đơn ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị H số tiền 14.990.000 đồng *(Mười bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng)* chi phí thẩm định và định giá tài sản tại cấp phúc thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công T, ông Trần Duy C phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là 4.900.000 đồng *(Bốn triệu chín trăm nghìn đồng chẵn)* (đã thu và đã chi, đã nộp đủ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

3. Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng chẵn)* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng chẵn)* theo biên lai thu số 0002983 ngày 08/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn ông Nguyễn Công T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bị đơn ông Phan Văn N số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000410 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Điêu Thị Kim Liên

Lại Thị Hiếu

Đỗ Tuấn Long